

Bản án số: 194/2021/DS-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Trần Ái Vy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đặng Khắc Di

2/ Ông Trần Khắc Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 382/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2021/QĐXXST-DS ngày 01/11/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P

Trụ sở: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, địa chỉ liên lạc: Lô 2.5 – 2.8 đường X, Phường B, quận T, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 87/117/44 đường S, Phường L, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh Sang trình bày:

Ngày 25/02/2014, ông T (gọi tắt là ông T) có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bản điều kiện điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PG Bank Visa của ngân hàng. Sau khi phê duyệt, ngân hàng đã cấp cho ông T 01 thẻ tín dụng quốc tế có số thẻ là 437893-5799 với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện nhiều giao dịch đối với thẻ visa trên. Kể từ ngày 26/4/2014, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 08/6/2020, ông T còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 64.733.014 đồng trong đó dư nợ thẻ tín dụng là 48.787.175 đồng, lãi và phí phát sinh là 15.945.839 đồng. Ngày 01/6/2019 và 01/6/2020 Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ cho ông T nhưng phía ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ nêu trên, thanh toán 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh Sang có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 64.733.014 đồng trong đó dư nợ thẻ tín dụng là 48.787.175 đồng, lãi và phí phát sinh là 15.945.839 đồng. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 08/6/2020. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự vắng mặt của các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/02/2014 được ký giữa ngân hàng và ông T thì ông T cung cấp địa chỉ hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại: 87/117/44 đường S, Phường L, quận B, Thành phố H. Ngày 08/10/2020, Công an đường S, Phường L, quận B, Thành phố H xác minh tình trạng cư trú của ông T như sau: “Ông T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 87/117/44 đường S, Phường L, quận B, Thành phố H từ tháng 10/2013 đến nay. Hiện đương sự Thứ không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, nhà cho thuê. Đương sự T cung cấp nơi ở hiện tại là A36 đường DS 10, khu dân cư Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh từ 2016 đến nay”. Ngày 12/5/2021, Công an xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng cư trú của ông T như sau: “Đương sự T không đăng ký tạm trú và hiện không cư ngụ tại địa chỉ trên”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông T.

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Xét thấy trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[3] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/02/2014 được ký giữa ngân hàng và ông T được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm*

*pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*". Theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì "*Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó*". Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Việc áp dụng về thời hiệu cũng như nghĩa vụ trả nợ nếu có sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết cho phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/02/2014 được ký giữa ngân hàng và ông T được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 389 của Bộ luật dân sự 2005. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124, Điều 401 của Bộ luật dân sự 2005. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP Petrolimex nên được xác định là hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.2] Ngày 25/02/2014, Ngân hàng và ông T có ký kết văn bản giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bản điều kiện điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PG Bank Visa của ngân hàng. Sau khi phê duyệt, ngân hàng đã cấp cho ông T 01 thẻ tín dụng quốc tế có số thẻ là 437893-5799 với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện nhiều giao dịch đối với thẻ visa trên. Kể từ ngày 26/4/2014, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 08/6/2020, ông T còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 64.733.014 đồng trong đó dư nợ thẻ tín dụng là 48.787.175 đồng, lãi và phí phát sinh là 15.945.839 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng khi khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Xét ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của ngân hàng do đó ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận. Xét việc ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả tiền nợ và lãi, phí phát sinh tính đến ngày 08/6/2020 và không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 08/6/2020 là có lợi cho bị đơn nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122, Điều 124, Điều 389, Điều 401, Điều 405, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Petrolimex tổng số tiền là 64.733.014 đồng trong đó dư nợ thẻ tín dụng là 48.787.175 đồng, lãi và phí phát sinh là 15.945.839 đồng để chấm dứt hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 437893-5799 ngày 25/02/2014, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 3.236.650 (Ba triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi) đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí là 1.618.350 (một triệu sáu trăm mười tám ngàn ba trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí,

lệ phí số 0016674 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Trần Ái Vy**